

Bản án số: 171/2024/HS-ST
Ngày: 10/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Ông Phan Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HS ngày 22/3/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh Đ; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1986; tại Đồng Nai; Địa chỉ: khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ tên Trịnh Thụy Minh P, có 02 con sinh năm 2016 và 2019.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T1.

Địa chỉ: đường Đ, phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thị B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường ĐX, tổ 5, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Đ là nhân viên giao hàng (shipper) của Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T1 chi nhánh B, địa chỉ: số đường ĐX, tổ 5, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Công ty T3), được bố trí làm việc tại địa điểm kinh doanh khu phố 3, phường L, thành phố B và được phân công nhiệm vụ đi giao các đơn hàng cho khách và thu tiền do khách hàng thanh toán để nộp về cho Công ty vào cuối ca làm việc trong ngày theo quy định. Trong quá trình làm việc, ngày 25/02/2020 Đ đã nhận 59 đơn hàng của Công ty T3 (gồm các mã vận đơn có 05 số đầu là: 80200,..., 81201... và 84201...), để đi giao cho khách và thu tiền. Cùng ngày, sau khi giao thành công 59 đơn hàng trên cho khách và nhận tổng số tiền do khách thanh toán là 42.517.606đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng), Đ đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, dùng thủ đoạn khai báo gian dối trên phần mềm (App) quản lý giao hàng của Công ty (được cài đặt trên điện thoại cá nhân của Đ nhãn hiệu Samsung J7 Prime) thể hiện kết quả chưa giao được 59 đơn hàng trên, chiếm đoạt số tiền 42.517.606đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng), tiêu xài hết, không nộp về Công ty T3 theo quy định thì bị Công ty T3 phát hiện, lập biên bản xử lý kỷ luật đối với Đ. Sau đó, Đ đã khắc phục được số tiền 14.393.367đ (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng). Còn lại số tiền 28.124.239đ (Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng), Đ hứa sẽ tiếp tục khắc phục nhưng sau đó không thực hiện thì Công ty T3 tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý. Trong quá trình điều tra, Đ đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty T3.

Vật chứng vụ án gồm:

- Số tiền 42.517.606đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng) là số tiền Đ chiếm đoạt của Công ty T3, Đ đã tiêu xài và sử dụng hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được;
- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau đó đã bán cho người tên S (không rõ họ và địa chỉ) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Về dân sự: Bị cáo Đ đã bồi thường đủ số tiền 42.517.606đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng) cho Công ty T3 và Công ty không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 146/CT-VKSBH ngày 07/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Nguyễn Minh Đ về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Nguyễn Minh Đ mức hình phạt tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị hại đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, Bà Thị B đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của bà Thị B không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Thị B.

[3] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Minh Đ là nhân viên giao hàng của Công ty T3, có nhiệm vụ đi giao các đơn hàng và thu tiền do khách hàng thanh toán để nộp về cho Công ty T3. Vào ngày 25/02/2020, Đ đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn tham ô

tổng số tiền 42.517.606đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng) của tổng 59 đơn hàng (gồm các mã vận đơn có 05 số đầu là: 80200,... 81201,... và 84201,...) do khách hàng thanh toán cho Công ty T3 thì bị Công ty phát hiện, tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, xâm phạm hoạt động của tổ chức trong lĩnh vực quản lý tài sản. Bị cáo là người có trách nhiệm quản lý tài sản nhưng lại lợi dụng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản mình đang quản lý. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: không.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T1 đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Đ **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 05/01/2024.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy